

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	Xã miền núi									
1	Xã nhóm A	600	400	330	350	250	170	230	150	120
2	Xã nhóm B	550	320	310	320	200	150	170	130	110
3	Xã nhóm C	400	270	210	250	150	120	130	110	100
4	Xã nhóm D	350	230	160	200	120	100	110	100	90
5	Xã nhóm E	250	150	120	130	100	90	100	90	80

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	Xã miền núi									
1	Xã nhóm A	420	270	230	250	180	120	160	100	90
2	Xã nhóm B	380	230	220	230	140	110	120	90	
3	Xã nhóm C	280	190	150	180	110	100	100	80	
4	Xã nhóm D	245	160	110	140	100	90	90		
5	Xã nhóm E	180	110	90	100	90	80	90		

Phân loại nhóm xã như sau:

*** Xã miền núi:**

- + Xã thuộc nhóm A: Tam Dị, Chu Điện, Tiên Hưng
- + Xã thuộc nhóm B: Nghĩa Phương, Bảo Đài, Phương Sơn, Bảo Sơn
- + Xã thuộc nhóm C: Thanh Lâm, Cẩm Lý, Lan Mẫu, Đông Phú, Khám Lạng, Bắc Lũng
- + Xã thuộc nhóm D: Vô Tranh, Trường Sơn, Cương Sơn
- + Xã thuộc nhóm E: Lục Sơn, Huyền Sơn, Yên Sơn, Đan Hội, Bình Sơn, Trường Giang, Vũ Xá, Tiên Nha, Đông Hưng và các thôn ở các xã được hưởng chương trình 135 của Chính phủ